

Số: 84/TB-TTYT

Gò Quao, ngày 19 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II năm 2021

Căn cứ Công văn số 2239/SYT-TCCB ngày 12/7/2021 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2021.

Trung tâm Y tế thông báo đến các đơn vị trực thuộc có viên chức đủ điều kiện tham gia xét hoặc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II được quy định tại mục II, Phụ lục 2 đính kèm.

Các đơn vị lập danh sách các cá nhân đủ điều kiện xét hoặc thi thăng hạng theo các biểu mẫu kèm theo và hồ sơ cá nhân về Trung tâm Y tế (qua Phòng tổ chức - Hành chính) đồng thời gửi file mềm qua địa chỉ Email: danhku.dk@gmail.com **chậm nhất ngày 22 tháng 7 năm 2021** để tổng hợp gửi về Sở Y tế đúng thời gian quy định.

Quá thời hạn nêu trên, Trung tâm Y tế không nhận được văn bản đăng ký của các đơn vị, xem như đơn vị không có nhu cầu xét hoặc thi thăng hạng.

Trung tâm Y tế thông báo đến các đơn vị được biết, thực hei65n./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc TTYT;
- Lưu: VT, TCHC, dku.

**TL.GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TC-HC**



Danh Thiên Phúc

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 1335/SYT-TCCB ngày 12 tháng 7 năm 2021)

I. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I:

1. Đối tượng dự thi

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 lên bác sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.01.01 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) mã số V.08.02.04 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) lên dược sĩ cao cấp (hạng I): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 lên dược sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.08.20 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

d) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng chính (hạng II) lên y tế công cộng cao cấp (hạng I): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng chính (hạng II) mã số V.08.04.09 lên y tế công cộng cao cấp (hạng I) mã số V.08.04.08 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng y tế công cộng cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) mã số V.08.04.09 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV.



2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi:

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- b) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi.
- c) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2020; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
- d) Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng:
- đ) Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.
- e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:
 - Viên chức dự thi thăng hạng từ chức danh bác sĩ chính (hạng II) lên chức danh bác sĩ cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.
 - Viên chức dự thi thăng hạng từ chức danh bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) lên chức danh bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.
 - Viên chức dự thi thăng hạng từ chức danh dược sĩ chính lên chức danh dược sĩ cao cấp phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược sĩ chính tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.
 - Viên chức dự thi thăng hạng từ chức danh y tế công cộng chính lên chức danh y tế công cộng cao cấp phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh y tế công cộng chính tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.
- g) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi (trừ tiêu chuẩn về thời gian tối thiểu giữ hạng chức danh nghề nghiệp).

- Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học; có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ cao cấp hạng I.

- Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học thuộc chuyên ngành y học dự phòng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp hạng I.

- Tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ dược học; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ cao cấp hạng I.

- Tốt nghiệp chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ chuyên ngành y tế công cộng hoặc y học dự phòng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng y tế công cộng cao cấp hạng I.

h) Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi.

3. Nội dung, hình thức, thời gian thi; miễn thi ngoại ngữ, tin học và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng từ hạng II lên hạng I

3.1. Nội dung, hình thức, thời gian thi

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, lĩnh vực y tế, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp hạng I.

- Thời gian thi: 60 phút.

b) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm

- Nội dung thi: 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn thi tin học:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.
- Nội dung thi: 30 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.
- Thời gian thi: 30 phút.

d) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

Thi viết đề án, thời gian 8 tiếng và thi bảo vệ đề án, thời gian tối đa 30 phút theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi. Thi viết đề án và thi bảo vệ đề án được chấm với thang điểm 100 cho mỗi bài thi.

3.2. Miễn thi môn ngoại ngữ, tin học đối với các trường hợp sau:

- a) Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác;
- b) Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số;
- c) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi.
- d) Viên chức tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

đ) Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

3.3. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I:

- a) Có câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi: Kiến thức chung, tin học, ngoại ngữ, trừ trường hợp miễn thi.
- b) Có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.
- c) Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi

4.1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi

- a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng.

- Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại Mục 3 công văn này thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

d) Bản sao quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng II, quyết định nâng lương gần nhất;

đ) Các văn bản liên quan để minh chứng việc giao nhiệm vụ chủ nhiệm hoặc tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc phát minh khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt (kèm theo sản phẩm);

e) Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm.

4.2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo Sở Y tế.

5. Cử viên chức dự thi thăng hạng

a) Các đơn vị báo cáo cụ thể về:

- Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng (mẫu số 1);

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu số 2);

b) Văn bản cử viên chức dự thi, các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I của các đơn vị phải do người đứng đầu đơn vị ký gửi Sở Y tế.

II. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II:

1. Đối tượng dự thi:

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 lên bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức

danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) lên y tế công cộng chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 lên y tế công cộng chính (hạng II) mã số V.08.04.09 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng y tế công cộng chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV.

d) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 lên dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

đ) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III lên kỹ thuật y hạng II: Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 lên kỹ thuật y hạng II mã số V.08.07.17 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

e) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II: Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 lên điều dưỡng hạng II mã số V.08.05.11 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác

phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

g) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Hộ sinh hạng III lên hộ sinh hạng II: Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hộ sinh hạng III mã số V.08.06.15 lên hộ sinh hạng II mã số V.08.06.14 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng III mã số V.08.06.15 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng II quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

i) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Dinh dưỡng hạng III lên dinh dưỡng hạng II: Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dinh dưỡng hạng III mã số V.08.09.25 lên dinh dưỡng hạng II mã số V.08.09.24 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III mã số V.08.09.25 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

2.1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

2.2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi.

2.3. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2020; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

2.4. Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng:

2.5. Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.

2.6. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:

a) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

b) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên chức danh bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

c) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh y tế công cộng (hạng III) lên chức danh y tế công cộng chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh y tế công cộng (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh y tế công cộng (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

d) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh điều dưỡng hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

đ) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng III lên chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh hộ sinh hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

e) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III lên chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật y hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

f) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh dược sĩ lên chức danh dược sĩ chính phải có thời gian giữ chức danh dược sĩ hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ dược; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ dược. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược sĩ tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

g) Viên chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III lên chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dinh dưỡng hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

2.7. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp).

a) Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học (trừ chuyên ngành y học dự phòng); có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ chính (hạng II).

b) Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học thuộc chuyên ngành y học dự phòng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II).

c) Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ chuyên ngành y tế công cộng hoặc y học dự phòng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng y tế công cộng chính (hạng II).

d) Tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ dược học; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ chính hạng II.

đ) Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành kỹ thuật y học; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng kỹ thuật y hạng II.

e) Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ chuyên ngành điều dưỡng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng điều dưỡng hạng II.

f) Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ chuyên ngành hộ sinh; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng II quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng hộ sinh hạng II.

g) Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ chuyên ngành dinh dưỡng; có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dinh dưỡng hạng II.

2.8. Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi.

3. Nội dung, hình thức, thời gian thi; miễn thi ngoại ngữ, tin học và việc xác định người trúng tuyển

3.1. Nội dung, hình thức, thời gian thi

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, lĩnh vực y tế, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp hạng II.

- Thời gian thi: 60 phút.

b) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn thi tin học:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Thời gian thi: 30 phút.

d) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ:

Thi viết, thời gian 180 phút theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi, thang điểm 100.

3.2. Miễn thi môn ngoại ngữ, tin học đối với các trường hợp sau:

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác.

- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số.

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Viên chức tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

3.3. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II.

a) Có câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi: Kiến thức chung, tin học, ngoại ngữ, trừ trường hợp miễn thi.

b) Có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

c) Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

4. Nội dung hồ sơ và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng.

- Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại 3 công văn này thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

d) Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng III, quyết định nâng lương gần nhất;

đ) Các văn bản liên quan để minh chứng việc giao nhiệm vụ chủ nhiệm hoặc tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc phát minh khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt (kèm theo sản phẩm);

e) Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm.

g) Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, đơn vị sự nghiệp y tế công lập cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức theo quy định của pháp luật.

h) Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, xem xét, quyết định cử viên chức dự thi thăng hạng gửi Sở Y tế.

5. Cử viên chức dự thi thăng hạng

a) Các đơn vị báo cáo cụ thể về:

- Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng (mẫu số 1).

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II (theo mẫu số 3).

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ BÁC SĨ (HẠNG III) LÊN BÁC SĨ CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét				Có để án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bởi đường chức danh nghề nghiệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỰ DƯỠC SĨ (HẠNG III) DƯỠC SĨ CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét				Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ tìm học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III LÊN ĐIỀU DƯỠNG HẠNG II NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú	
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Trình độ chức danh nghề nghiệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 5

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HỘ SINH HẠNG III LÊN HỘ SINH HẠNG II NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bởi đường chức danh nghề nghiệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ KỸ THUẬT Y HẠNG III LÊN KỸ THUẬT Y HẠNG II NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú	
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bồi dưỡng	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) Y TẾ CÔNG CỘNG CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét				Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ DINH DƯỠNG HẠNG III LÊN DINH DƯỠNG HẠNG II NĂM 2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú	
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Tên Đơn vị:

Mẫu số 3

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THẮNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) LÊN BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG CHÍNH (HẠNG II) NĂM
2021**

(Kèm theo công văn số /BYT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Bộ Y tế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình	Được miễn		Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú	
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)